

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/DS-ST

Ngày: 06/02/2018

Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2017/TLST-DS ngày 10/7/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 619/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 115 đường X, khu phố 2, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/3 đường X, khu phố 1, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tổng Trần Đ, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: 115 đường X, khu phố 2, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà làm nghề buôn bán gạo nên giữa bà và bà Nguyễn Thị Hồng H2 có quan hệ làm ăn mua bán gạo, cụ thể bà H2 lấy gạo gói đầu một lần, đầu tuần lấy

gạo thì cuối tuần trả tiền nhưng bà H2 chỉ làm đúng theo hợp đồng một lần, sau đó những lần sau lấy hàng số lượng nhiều rồi không thanh toán nên tổng số tiền bà H2 đến nay còn nợ bà là 82.287.000 đồng. Vì vậy bà làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức, tại đây bà H2 thừa nhận nợ và hứa sẽ thanh toán mỗi tháng 4.000.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng. Đến thời hạn trả nợ bà H2 không trả cho bà số nợ 82.287.000 đồng và cố tình trốn trách nhiệm. Do bà H2 không trả nợ cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng H2 trả lại số tiền mà bà H2 còn nợ bà là: 82.287.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Phía nguyên đơn có ý kiến kể từ ngày 06/02/2018 trở về sau không buộc bà H2 phải có trách nhiệm thanh toán bất kỳ khoản lãi phát sinh nào, kể cả lãi suất thi hành án trên số tiền 82.287.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Ông Tổng Trần Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H1, số tiền bà Nguyễn Thị Hồng H2 nợ bà H1 là 82.287.000 đồng là tài sản chung của ông và bà H1. Nay bà H1 khởi kiện bà H2, ông thống nhất ý kiến với bà H1. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H1. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này nếu Tòa tuyên trả tiền cho bà H2 thì một mình bà H1 đứng ra nhận.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2: Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà H2 đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng bà H2 luôn vắng mặt. Vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú, niêm yết hợp lệ theo quy định và tiến hành đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng có mặt; việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H1 với bà Nguyễn Thị Hồng H2 là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Do bà Nguyễn Thị Hồng H2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà H1 đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nơi bị đơn đang cư trú, do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự có mặt của đương sự:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần mà bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là bản hợp đồng ngày 31/10/2015, biên bản hòa giải ngày 16/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Thủ Đức, giấy cam kết ngày 11/4/2017, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Hồng H2 có nợ bà Nguyễn Thị H1 số tiền 82.287.000 đồng, bà H2 hứa sẽ thanh toán mỗi tháng 4.000.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng cho bà H1. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ bà H2 không trả và cố tình trốn trách nhiệm nên bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H2 trả cho bà số nợ 82.287.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ theo quy định tại các Điều 428, Điều 429, Điều 432, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 82.287.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Phía nguyên đơn có ý kiến kể từ ngày 06/02/2018 trở về sau không buộc bà H2 phải có trách nhiệm thanh toán bất kỳ khoản lãi phát sinh nào, kể cả lãi suất thi hành án trên số tiền 82.287.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Đối với bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H1.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 428, Điều 429, Điều 432, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H2 trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 82.287.000 đồng (Tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng H2 không phải chịu thêm bất kỳ khoản tiền lãi nào, kể cả lãi suất thi hành án phát sinh trên số nợ gốc 82.287.000 đồng kể từ ngày 06/02/2018 trở về sau cho đến khi thanh toán xong hết số tiền trên.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng H2 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.114.350 đồng (Bốn triệu một trăm mười bốn ngàn ba trăm năm mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.057.175 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng), theo biên lai thu số AA/2016/0015774 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

